

Võ card
ngày 4-11-84

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : BUI QUANG CHUONG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : AUGUST 07 1941
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 14/40G KỶ ĐÔNG - QUẬN 3
(Địa chỉ tại VN) : HO CHI MINH CITY

POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 1975 To (Đến) : 1979

PLACE OF RE-EDUCATION : SOUTH VN
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : DOCTOR M.D.

EDUCATION IN U.S. : /
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : CAPTAIN M.D

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Military Physician Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : Four

MAILING ADDRESS IN VN : 14/40G KỶ ĐÔNG - QUẬN 3
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : HO CHI MINH CITY

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : TON NU MINH CHAU
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : MANASSAS, VA 22110
hay Người Bảo Trò)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Mother in law

NAME AND SIGNATURE : TON NU MINH CHAU
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này) : MANASSAS, VA 22110 Lonuehau

DATE : October 5 1984
Month (Tháng) Day (ngày) Year (năm)

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : BUI QUANG CHUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 07 08 1941
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM :
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :

: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION :
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) :

EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) :

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : 3 No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN :
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : TON NU MINH CHAU

(Tên, Địa chỉ Thân nhân : MANASSAS, VA 22110
hay Người Bảo Trò)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Mother in law

NAME AND SIGNATURE :

ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa Chỉ, Chủ Ký, ĐT của người điền đơn này)

DATE :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): BUI QUANG CHUONG
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
Pham Ngoc TUYET	06/23/1950	wife
Bui Thi Tuyet TAM	07/16/1970	daughter
BUI QUANG DUNG	06/28/1979	son

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM
MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : BUI QUANG CHUÔNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình):
(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : 14/40 G. ĐƯỜNG KỲ ĐÔNG - QUẬN 3 - HCM
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER {Có là Tử binh tại VN hay không}: Yes (Có) No (Không):

: If yes (Nếu Có): From (Từ): To (Đến):

PLACE OF RE-EDUCATION:
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp):

EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): ĐẠI ÚY, BÁC SĨ QUÂN Y

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Date (Năm):
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): IV Number (số hồ sơ): No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo):

MAILING ADDRESS IN VN:
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE :
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trò)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN):

NAME AND SIGNATURE : Lưu Lan Minh Đức (ban Dành Cook)

ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa Chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này)

DATE :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
 (Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION: